

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC MỸ

• TS. TRẦN THỊ BÍCH LIỄU

*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
(Tiếp theo kì trước)*

c) Hệ thống GDĐH Mỹ là một trong những hệ thống GDĐH có chất lượng tốt nhất thế giới

Trang web của Fulbright Newzeland đã nói về GDĐH Mỹ như sau:

Các trường đại học Mỹ nổi tiếng thế giới bởi chất lượng các chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, các phương tiện và nguồn lực phục vụ cho các hoạt động giảng dạy và học tập.

Và hơn thế nữa, hệ thống GDĐH Mỹ có chất lượng cao bởi nó đã đào tạo nên một nguồn nhân lực có khả năng cạnh tranh cao, tạo nên sức cạnh tranh cao của nền kinh tế Mỹ. Trong tất cả các lĩnh vực, Mỹ chiếm vị trí hàng đầu về khả năng cạnh tranh so với 75 nước khác: thứ nhất về chỉ số cạnh tranh tăng trưởng, về chỉ số cạnh tranh kĩ thuật, thứ hai về môi trường kinh tế vĩ mô sau Singapore, và chỉ có chỉ số về thể chế công là đứng thứ 16 (Bảng 1).

để đáp ứng yêu cầu của những công việc mới.

d) GDĐH ở Mỹ là một loại hàng hoá công cộng, phục vụ xã hội và là niềm tin của công chúng.

Trong lịch sử, sứ mạng của GDĐH Mỹ là phục vụ cộng đồng nơi đã sản sinh ra nó. Toàn bộ chương trình đào tạo, các nghiên cứu và các hoạt động của nó đều nhằm mục đích phục vụ xã hội. Phục vụ cộng đồng, áp dụng kiến thức của trường đại học để phục vụ những yêu cầu đặc biệt của xã hội từ lâu đã là sứ mạng quan trọng của GDĐH Mỹ. Xã hội có trách nhiệm đóng góp cho trường đại học về tất cả các mặt: tài chính, quyền tự do học thuật, chấp nhận học vấn và điều chỉnh yêu cầu về chuyên môn. Trường đại học đến lượt mình có trách nhiệm đảm bảo sự công bằng về tiếp cận GDĐH, cung cấp một nền GD chất lượng cao, cam kết phát

Bảng 1: Năng lực cạnh tranh cao của nền kinh tế Mỹ (So sánh với 75 nước khác)

| Nước | Chỉ số cạnh tranh về mức độ tăng trưởng | Chỉ số cạnh tranh về kĩ thuật | Chỉ số cạnh tranh về thể chế công | Chỉ số cạnh tranh môi trường kinh tế vĩ mô (2001) |
|--------|---|-------------------------------|-----------------------------------|---|
| The US | 1 | 1 | 16 | 2 |

(Peter k. Cornelius, GCR Executive Summary 2002-2003, World Economic Forum)

Mỹ có hàng trăm trường đại học xếp hàng đầu thế giới:

Bảng 2: Các trường đại học hàng đầu thế giới của Mỹ

| Top 20 | Top 100 | Top 200 | Top 300 | Top 400 | Top 500 |
|--------|---------|---------|---------|---------|---------|
| 17 | 51 | 90 | 119 | 139 | 170 |

(2004 Institute of Higher Education, Shanghai Jiao Tong University)

Từ bảng này chúng ta thấy có 51 trường trong top 100; 17 trong top 20; 139 trong top 400 và 170 trong top 500. Trong 100 trường, Mỹ chỉ có 4 trường xếp trong top 20 trường cuối cùng.

Tuy nhiên, với sự thay đổi nhanh chóng của kĩ thuật và thị trường lao động Mỹ, người Mỹ thực sự lo lắng cho chất lượng GD của mình, đặc biệt là chất lượng GDĐH. Họ cho rằng chất lượng GDĐH của Mỹ đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi nó đã không chuẩn bị cho người học những kiến thức và kĩ năng cần thiết về tư duy, tính toán, viết

triển nguồn nhân lực mà đại diện của nó là đào tạo các sinh viên đáp ứng được các yêu cầu của xã hội. Trách nhiệm xã hội của trường đại học được thực hiện thông qua các chức năng giảng dạy, nghiên cứu của các giảng viên. Xã hội có quyền đòi hỏi trường đại học đáp ứng các yêu cầu của mình và trường đại học có trách nhiệm phải đáp lại đòi hỏi của xã hội một cách đầy đủ.

Ngày nay hơn bao giờ hết, trường đại học tham gia nhiều hơn vào các hoạt động phục vụ xã hội, từ vai trò là động lực phát triển kinh tế đến

chăm sóc sức khoẻ, các dịch vụ giáo dục đến các dịch vụ mang tính chất giải trí. Nhiều trường đại học có các tổ chức và đội ngũ để thực hiện các dịch vụ này.

"Dạy học là một nghề mang tính mô phạm cao, sự uyên thâm về học thuật tạo nên niềm tin của công chúng và phục vụ xã hội là trách nhiệm chính của trường đại học"

(The Glion Declaration: the University at the Millennium, 1998)

Hệ thống trường đại học của Mỹ hết sức đa dạng, phong phú và nhờ đó nó đủ sức để đáp ứng những nhu cầu khác nhau của xã hội. Cũng như những ngành công nghiệp khác, GDĐH chịu ảnh hưởng của các thể lực thị trường nhưng GDĐH có những sứ mạng cao cả khác mà những ngành công nghiệp khác không thể làm được. Người ta nhìn vào GD như là chìa khoá của sự phồn vinh và ngày nay hơn bao giờ hết GD là niềm hi vọng của con người đối với một cuộc sống tốt đẹp và cho sự phát triển hoàn hảo các tiềm năng của họ. Trình độ học vấn của một người giờ đây là yếu tố quyết định sự phồn vinh về kinh tế của người đó. Ngày nay và cả thế kỉ sau nữa GDĐH là yếu tố đảm bảo sự an toàn về kinh tế trong thế kỉ tri thức này.

James J. Duderstadt nhấn mạnh tầm quan trọng của GDĐH: "Trường đại học có các chức năng cơ bản như giáo dục và cung cấp nền học vấn uyên thâm cho xã hội, trong đó giảng viên đóng một vai trò hết sức quan trọng. Khi một trường đại học xao lãng các chức năng này nó không chỉ làm tổn thương các sứ mạng chính yếu của mình, mà còn làm mất đi những ưu ái mà xã hội dành cho nó. Sự chuyển giao từ vai trò xã hội của GDĐH sang vai trò của một xí nghiệp công nghiệp nhằm phục vụ các nhu cầu của thị trường đã làm gia tăng những lo lắng trên đây của xã hội. Điều quan trọng hơn cả là trường đại học chấp nhận trách nhiệm của nó trong việc chuyển giao những kiến thức mà nó sản sinh ra nhằm phục vụ xã hội, thực hiện các sứ mạng chính yếu, các giá trị và tính chất cơ bản của mình." (James J. Duderstadt, 2003 b, p.18)

Tương tự như vậy, Frank Newman, Lara Couturier, Jamie Scurry (2004) nói về mục tiêu phục vụ công chúng của GDĐH như sau: Trường đại học cần phục vụ các yêu cầu của xã hội như đào tạo những người lao động có kĩ năng và có giáo dục, thức tỉnh ý thức người công dân trong sinh viên, phục vụ việc huy động xã hội và tạo sự kết nối giữa GDĐH với GD tiểu học và trung học. Trung tâm nghiên cứu các chính sách công cộng của GDĐH cho rằng quyền lợi của xã hội

quan trọng hơn là quyền lợi của từng trường đại học cộng lại (Center for public higher education policy, 2005).

Tại sao chức năng đóng góp cho xã hội đối với GDĐH lại quan trọng như vậy?

Trả lời câu hỏi này, Robert E. Martin (2005) trích dẫn Clotfeelter về "bốn tính chất quan trọng" làm cho một trường đại học khác với một xí nghiệp công nghiệp như sau:

1) Trường đại học cam kết đảm bảo chất lượng giáo dục tuyệt hảo hơn là chạy theo lợi nhuận.

2) Các hoạt động của giảng viên mang tính tự lập

3) Trường đại học chia sẻ sự lãnh đạo

4) Tính chất tạm thời của các dịch vụ mà GDĐH cung cấp

Robert E. Martin xem xét tính chất hai mặt của kiến thức và nguồn nhân lực. Ông cho rằng, các đầu ra của GDĐH gồm có các nghiên cứu với việc sản xuất các kiến thức mới và đào tạo nguồn nhân lực thông qua việc cung cấp các kiến thức mới cho sinh viên. Kiến thức vừa mang tính chất tư nhân vừa mang tính chất xã hội. Tính chất tư nhân của kiến thức thể hiện ở các ích lợi mà họ có được khi sở hữu các kiến thức mới và đến lượt mình họ lại mang các lợi ích cho xã hội. Tính chất công cộng của kiến thức là một trong những nguyên nhân tại sao xã hội lại hỗ trợ cho các trường đại học. Xa hơn nữa, kiến thức còn phục vụ cho các mục tiêu công bằng xã hội và các động thái sinh trưởng. Nó liên quan đến sự tiến bộ của các cá nhân, của nhóm và của xã hội. Nó cung cấp cơ sở cho việc bảo tồn và chuyển giao các giá trị của xã hội, phản ánh và xác định các lĩnh vực chủ yếu cần phải thay đổi. Các trường đại học sản xuất ra nguồn nhân lực. Nguồn nhân lực mang tính chất công cộng và vì vậy, tất cả mọi sinh viên có quyền nhận sự bao cấp về kiến thức. GDĐH thúc đẩy cuộc sống của cá nhân và làm giàu xã hội, tạo sự kết nối giữa lợi ích cá nhân và xã hội, tăng thu nhập và tăng sản phẩm làm cho cá nhân và cả quốc gia cùng giàu mạnh thêm. Nó giúp con người làm giàu trí tuệ của mình, đem lại lợi ích văn hoá và chính trị cho xã hội. Nó khuyến khích sự độc lập và sự sáng tạo - những giá trị vô cùng quý báu cho một xã hội tri thức.

Trong các chính sách của bang và trong các dự án về GDĐH Mỹ trong tương lai, tính chất công của GDĐH càng được nhấn mạnh:

- GDĐH ngày càng quan trọng hơn bao giờ hết đối với sự thịnh vượng của mỗi cá nhân và xã hội.

- Các vai trò xã hội của nó gồm:

- Giáo dục ý thức công dân
- Đào tạo nguồn lực
- Cung cấp kiến thức và tạo nên những cuộc tranh luận công khai.

Trong *The Public Use of Private Interest* Charles L. Schultze viết về khả năng sử dụng các lợi ích tư để phục vụ lợi ích của xã hội. Theo ông, nếu GDDH biết sử dụng tốt các thế mạnh của thị trường thì nó có thể đáp ứng được các nhu cầu khác nhau của xã hội và phục vụ tốt hơn lợi ích của xã hội. Thí dụ, đào tạo qua mạng giúp các vùng khó khăn tiếp cận dễ dàng hơn với GDDH, cạnh tranh giúp giảm giá thành đào tạo và học phí cho người học (*The New Project*, 2002).

Robert E. Martin cho rằng nếu như tiếng nói của các trường đại học không được lắng nghe, nếu các nhà hoạch định chính sách công không nhìn thấy vai trò đặc biệt của GDDH trong quá khứ và sự thay đổi vai trò của nó hiện nay thì GDDH sẽ mất đi cơ hội khẳng định vai trò là hàng hoá công của mình thậm chí cả trong thị trường mới của nó. Sự khẳng định này phải xuất phát từ chính hệ thống GDDH. Các nhà lãnh đạo các trường đại học cần khẳng định vai trò của GDDH trong xã hội như là nguồn cung cấp kiến thức, giáo dục công dân, huy động nguồn lực và trí tuệ của xã hội (Robert E. Martin, 2005, p.7).

Frank Newman và Lara K. Couturier (2002) chỉ ra một số ý tưởng làm thế nào để tạo ra một thị trường GDDH phục vụ lợi ích công cộng?

Làm thế nào để chúng ta đưa các yêu cầu của xã hội vào trong các quyết định về chính sách GDDH để làm cho mục tiêu phục vụ sinh viên và mục tiêu thịnh vượng của xã hội được đặt lên vị trí hàng đầu?

Cần có những chính sách khuyến khích nào để làm cho các trường đại học cạnh tranh vì mục tiêu phục vụ lợi ích công?

Dự án GDDH Tương lai (*The Futures Project*) đưa ra ba sự lựa chọn chính sách sau đây: nâng cao chất lượng, thu hút số đông sinh viên nghèo đi học đại học và tạo một thị trường mới về trách nhiệm, quyền và sự sáng tạo cho các trường đại học.

Liên quan đến vấn đề chất lượng, câu hỏi mà các nhà GD và hoạch định chính sách GD cần trả lời là:

1) Làm thế nào để khuyến khích các trường đại học tính toán và báo cáo kết quả học tập của sinh viên, qua đó giúp thị trường biết được chất lượng và hoạt động của nhà trường?

Trong một thị trường GDDH vì mục tiêu phục vụ lợi ích công thì chất lượng dạy và học cao là những chia khoá chính. Các chính sách chất lượng, các yêu cầu đo lường và báo cáo đích thực về kết quả đầu ra của sinh viên sẽ

phục vụ xã hội một cách tốt hơn.

2) Làm thế nào để sinh viên nghèo được phục vụ một cách tốt hơn và trở thành đối tượng phục vụ chính của trường đại học?

Khi mà GDDH cố gắng để phục vụ một số lượng dân số đông hơn cho nền kinh tế tri thức thì nó phải đối mặt với những yêu cầu mới. Hệ thống GDDH cần đào tạo nhiều sinh viên từ các tầng lớp nghèo và có hoàn cảnh khó khăn hơn.

Mục tiêu chính lúc này là biến các sinh viên trở thành đối tượng phục vụ chính. Với yêu cầu này GDDH phải cạnh tranh vì lợi ích công. Các chính sách hỗ trợ tài chính hiện nay của Mĩ đã không giúp sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đủ khả năng đi học đại học và cũng không tạo sự khuyến khích cho các trường đại học thu hút các đối tượng sinh viên nghèo này. Như vậy, chính phủ Liên bang và các chính phủ bang ở Mĩ cần cải tiến hệ thống hỗ trợ tài chính cho sinh viên để giúp các trường đại học thu hút các đối tượng sinh viên nghèo.

Cấu trúc mới nào cho hệ thống GDDH dựa trên thị trường nhằm khuyến khích các trường đại học có trách nhiệm hơn, có khả năng đáp ứng và sáng tạo hơn?

Frank Newman và Lara K. Couturier (2002) đề nghị một loại hình trường đại học mới có thể đáp ứng yêu cầu phục vụ mục đích công sau đây:

- Bang vẫn sẽ là người sở hữu chính tài sản của các trường đại học

- Bang và trường thoả thuận về ngân sách hàng năm, điều chỉnh sự lạm phát với sự cam kết rằng trường đại học sẽ không yêu cầu thêm các khoản phát sinh.

- Trường đại học chịu trách nhiệm về việc gây dựng quỹ thông qua học phí, các hợp đồng với các cơ sở kinh doanh và công nghiệp.

- Các trường đại học sẽ nhận được các phần thưởng khuyến khích nhờ việc tính toán và báo cáo kết quả đầu ra của sinh viên, mối quan hệ hợp tác với các trường tiểu học và trung học, đa dạng hoá các đầu vào của sinh viên.

Hơn nữa, theo các nhà GD Mĩ, để GDDH phục vụ lợi ích chung, các trường đại học cần chia sẻ các kinh nghiệm học được về các chính sách mới, các đối thủ cạnh tranh mới và các thành tựu kĩ thuật mới vì một chất lượng giáo dục tốt hơn cho tất cả các công dân trên toàn thế giới.

Tóm lại, ở đất nước của nền kinh tế thị trường tự do như Mĩ, GDDH phải phát triển đa dạng mới có thể đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của xã hội và như vậy nó mới phát huy được vai trò quan trọng của mình là phục vụ mục đích công và đảm bảo quyền lợi của các cá nhân người học. Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, hệ thống GDDH không còn con

đường nào khác là vận hành theo các quy luật của thị trường, đặc biệt là quy luật cạnh tranh. Cạnh tranh đã mang lại chất lượng cao hàng đầu thế giới cho GDĐH Mĩ. Tuy nhiên, trong môi trường toàn cầu hoá hiện nay, cạnh tranh phải đi liền với sự hợp tác nhằm tăng thêm sức mạnh cho các trường đại học. Dù ở môi trường nào và thể chế kinh tế nào, mục đích cao cả của trường đại học là phục vụ lợi ích công, vì vậy ngoài việc đáp ứng các nhu cầu bức thiết của thị trường, các trường đại học cần nêu cao sứ mạng này của mình và các nhà hoạch định chính sách phải có các chính sách cần thiết để đảm bảo rằng các trường đại học thực hiện đúng sứ mạng của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aims C. Mc Guinness Jr.(1999), Chapter seven: The state and higher education, Designing state higher education systems for a new century, American Council on Education, Oryx Press, Series on Higher Education.
2. Arild Tjeldvoll (1998) The service university in the global market place,
3. Derek Bok (2005), The Critical Role of Trustees in Enhancing Student Learning, Higher Education Chronicle, , December 16.
4. Frank Newman, Lara Couturier, Jamie Scurry (2004), The future of Higher Education Rhetoric, Reality, and the Risks of the Market, Jossey-Bass
5. Frank Newman and Lara K. Couturier (2002), Trading Public Good in the Higher Education Market, The Observatory on borderless higher education, John Foster House, , January
6. Fulbright New Zealand (2003), The US university system- study in the US, [http://www. Fulbright.org.nz](http://www.Fulbright.org.nz), Updated: 21 July
7. James J. Duderstadt (2003b), Higher Education in the New Century: Themes, Challenges, and Options, February 6, <http://milproj.umm.umich.edu/publications>.
8. Robert E. Martin (2005), Cost control, College Access, and Competition in higher education, Edward Elgar publishing, Inc.
9. William F. Massy (2003), Honoring the Trust Quality and Cost Containment in Higher Education, Anker Publishing Company, Inc. Bolton, Massachusetts

SUMMARY

The article presents some salient characteristics of the American higher education system which find expression in diversification, decentralization, privatization and market-orientation

HỎI ĐÁP...

(Tiếp theo trang 56)

Câu 2. Đảng và Nhà nước có chủ trương gì về dạy học phân hoá ở THPT?

Trả lời: Những chủ trương về dạy học phân hoá ở THPT đã được thể hiện trong các văn bản của Đảng và Nhà nước như sau:

Nghị quyết 14 của Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá V- 1979) về cải cách GD chỉ rõ: "Nội dung GD ở trường THPT cũng mang tính chất toàn diện và kĩ thuật tổng hợp, nhưng có chú ý đến việc phát huy sở trường và năng khiếu cá nhân ... sẽ thực hiện phân ban một cách hợp lí trên cơ sở GD toàn diện.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII lần thứ 4 (NQ/HNTW- 1993) về "Tiếp tục đổi mới sự nghiệp GD-ĐT" ghi: "Hình thành bậc trung học mới nhằm chuẩn bị cho một bộ phận HS tiếp tục học lên và đa số tốt nghiệp có thể vào đời, GD kĩ năng lao động và hướng nghiệp cho HS phổ thông theo hướng liên kết GD phổ thông với GD chuyên nghiệp, hình thành cấp trung học chuyên ban".

Nghị định 90/CP ngày 24-11-1993 của Chính phủ về "Quy định cơ cấu khung của hệ thống GD quốc dân, hệ thống văn bằng, chứng chỉ về GD-ĐT của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam" chỉ rõ: "GDPT bao gồm: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phân ban"

Thực hiện Nghị quyết 02- NQ/HNTW Khóa VIII về GD-ĐT và kết luận của Bộ Chính trị (Thông báo số 146- TB/TW ngày 23- 6- 1998 về một năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Trung ương 2) liên quan đến việc điều chỉnh chủ trương phân ban ở phổ thông trung học (nay là trung học phổ thông) và đào tạo hai giai đoạn ở đại học, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ thị số 30/1998/CT-TTg ngày 1- 9- 1998 về điều chỉnh chủ trương phân ban ở phổ thông trung học và đào tạo hai giai đoạn ở đại học.

Nghị quyết 37/ 2004/ QH 11 của Quốc hội về GD đã yêu cầu Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu điều chỉnh phương án phân ban THPT, góp phần tích cực hướng nghiệp cho HS và phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

Luật GD 2005 đã quy định mục tiêu, nội dung, phương pháp, chương trình giáo dục cấp THPT. Trong đó có quy định: "Giáo dục THPT phải củng cố, phát triển nội dung đã học ở trung học cơ sở, hoàn thành nội dung GDPT; ngoài nội dung chủ yếu nhằm bảo đảm chuẩn kiến thức phổ thông, cơ bản, toàn diện và hướng nghiệp cho HS còn có nội dung nâng cao ở một số môn học để phát triển năng lực, đáp ứng nguyện vọng của HS".

(Còn nữa)